

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-12-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Hoàng Đ Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 4B, xã Td, huyện Tn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đào Thị Bích L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 4B, xã Td, huyện Tn, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2022 cùng các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ và chị Đào Thị Bích L kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 10 tháng 5 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Td, huyện Tn, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành. Do mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân với nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 10 tháng 2018 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Đ trình bày chị và chị L có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Đạt sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012. Khi ly hôn, anh Đ mong muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tuấn Đạt. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đề nghị để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Đào Thị Bích L vắng mặt nhưng có ý kiến thể hiện tại Đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02 tháng 11 năm 2022 thể hiện quan điểm như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Tuấn Đạt. Khi ly hôn, chị đồng ý cho anh Đ nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Chị không có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Td, huyện Tn, thành phố Hải Phòng thể hiện: Anh Nguyễn Tiến Đ và Chị Đào Thị Bích L hiện đang cư trú tại thôn 4B, xã Td là người địa phương. Năm 2012 anh Đ và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 46 ngày 10 tháng 5 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Td, huyện Tn, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về thôn 4B, xã Td, huyện Tn, thành phố Hải Phòng chung sống. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp. Do mâu thuẫn vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay anh Đ xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Anh Đ và chị L có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Đạt sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012 hiện đang ở cùng với anh Đ. Về tài sản chung của vợ chồng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng

vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật, xử: Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tiến Đ được ly hôn chị Đào Thị Bích L; về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến Đ trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Tuấn Đạt sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đào Thị Bích L đã được xác lập là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 10 tháng 5 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Td, huyện Tn, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành, hiện vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Cho nên mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Đ yêu cầu ly hôn và chị L đồng ý ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa anh Đ và chị L.

[3]. Về con chung: Anh Đ và chị L có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn Đạt sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tuấn Đạt và chị L cũng đề nghị anh Đ trực tiếp nuôi con chung. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay anh Đ là người trực tiếp nuôi con, việc nuôi con của anh Đ đã ổn định nên khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và chị L cũng đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi con, hơn nữa con chung Nguyễn Tuấn Đạt có nguyện vọng mong muốn được ở với bố trong trường

hợp ly hôn. Do vậy, cần giao con chung Nguyễn Tuấn Đạt cho anh Đ trực tiếp nuôi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết và chị L không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Anh Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết và chị L không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tiến Đ được ly hôn chị Đào Thị Bích L.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến Đ trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Tuấn Đạt sinh ngày 30 tháng 11 năm 2012 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tiến Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết và chị Đào Thị Bích L không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tiến Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết và chị Đào Thị Bích L không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008203 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tn, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Tiến Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tn;
- Chi cục THADS huyện Tn;
- UBND xã Td, huyện Tn, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân